TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**
Số: 129/2019/QĐST-HNGĐ	*Quận 4, ngày 01 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 05/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Bà T. T. X. K, sinh năm 1973.
Địa chỉ: 232/37/3 Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Bị đơn: Ông N. T. T, sinh năm 1966.
Địa chỉ: 232/37/3 Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà T. T. X. K và ông N. T. T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà T. T. X. K và ông N. T. T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 208, quyển số 2 KHQH do Ủy ban nhân dân Quận C cấp ngày 10/7/1995 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật).

2.2. Về con chung: Bà T. T. X. K và ông N. T. T xác định ông bà có 03 con chung tên N. T. S. T, sinh ngày 22/10/1995 (đã trưởng thành), N. T. K. D sinh ngày 18/02/1997 (đã trưởng thành) và N. H. N sinh ngày 20/4/2009. Khi ly hôn, ông T đồng ý giao con chung chưa thành niên là N. H. N cho bà K được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng và bà K không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở; nhưng ông T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

2.3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà T. T. X. K và ông N. T. T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng, bà T. T. X. K tự nguyện chịu. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T. T. X. K đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AG/2014/0009780 ngày 21/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4. Bà T. T. X. K được hoàn trả lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Võ Thị Bảo Trân